

I. CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Công ty Than Cẩm Phả
2. Công ty Than Hòn Gai
3. Công ty Than Uông Bí
4. Công ty Than Nội địa
5. Công ty Than Khe Tam (1)
6. Công ty Than Quảng Ninh (2)
7. Công ty Đông Bắc (3)
8. Công ty Địa chất và khai thác khoáng sản
9. Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Bắc (4)
10. Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Trung (4)
11. Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Nam (4)
12. Công ty Xuất nhập khẩu than và cung ứng vật tư (Coalimex)
13. Công ty Hóa chất mỏ (5)
14. Công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp (6)
15. Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ
16. Công ty Tài chính ngành Than (7).

II. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP:

1. Viện Nghiên cứu khoa học và công nghệ mỏ
2. Trung tâm Thông tin than
3. Trung tâm Đo lường và giám định sản phẩm
4. Trung tâm Cấp cứu mỏ (8)
5. Bảo hiểm y tế ngành Than
6. Trung tâm Y tế lao động ngành Than
7. Trường Trung học kỹ thuật mỏ
8. Trường Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ (9).

GIẢI THÍCH

1. Đổi tên Công ty Xây lắp và sản xuất than thành Công ty Than Khe Tam.
2. Sắp xếp lại Công ty Than Quảng Ninh cũ và các đơn vị làm than thuộc các huyện, thị tỉnh Quảng Ninh thành Công ty Than Quảng Ninh mới.
3. Sắp xếp lại các đơn vị làm than của Quân đội thành Công ty Đông Bắc.
4. Tổ chức lại Công ty Kinh doanh chế biến than Việt Nam thành ba công ty khu vực:

- Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Bắc,
- Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Trung,
- Công ty Chế biến và kinh doanh than miền Nam.

5. Tách một bộ phận của Coalimex nhập với Xi nghiệp Hóa chất mỏ để thành lập Công ty Hóa chất mỏ.

6. Nâng cấp Công ty dịch vụ tổng hợp ngành Năng lượng thuộc Công ty Than Nội địa thành Công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp.

7. Thành lập mới Công ty Tài chính ngành Than.

8. Chuyển Trung tâm Cấp cứu mỏ trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả về trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam.

9. Đổi tên Trường Trung học Kinh tế năng lượng thành Trường Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 14-CP ngày 27-1-1995 về thành lập Tổng công ty Điện lực Việt Nam và ban hành Điều lệ của Tổng công ty.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp Chính phủ ngày 6 tháng 1 năm 1994;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Năng lượng trong việc thực hiện Quyết định số 91-TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Tổng công ty Điện lực Việt Nam theo nội dung tại Quyết định số 562-TTg ngày 10-10-1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ Năng lượng, Tài chính, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan căn cứ Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản lý và Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

ĐIỀU LỆ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 14-CP ngày 27-1-1995 của Chính phủ).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Tổng công ty Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là doanh nghiệp lớn của Nhà nước, gồm nhiều doanh nghiệp thành viên và đơn vị sự nghiệp, hoạt động trong phạm vi cả nước về chuyên ngành kinh doanh điện (bao gồm các khâu nghiên cứu, khảo sát, thiết kế, xây lắp, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, chế tạo thiết bị và phụ tùng điện, xuất nhập khẩu) và một số lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác liên quan đến ngành Điện.

Tổng công ty chịu trách nhiệm đầu tư để phát triển ngành công nghiệp điện, tổ chức sản xuất và tiêu thụ điện bảo đảm nhu cầu điện năng cho

sản xuất và sinh hoạt phù hợp với yêu cầu và định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao trong từng thời kỳ kế hoạch.

Trụ sở của Tổng công ty đặt tại thành phố Hà Nội.

Tên giao dịch quốc tế của Tổng công ty là ELECTRICITY OF VIETNAM, viết tắt là EVN.

Điều 2.- Tổng công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng trong nước và nước ngoài, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này. Tổng công ty thực hiện chế độ hạch toán tổng hợp, được lập các quỹ tập trung theo quy định của Nhà nước. Tổng công ty được hạch toán tập trung các khâu sản xuất và truyền tải điện năng. Các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, hạch toán phụ thuộc và các đơn vị sự nghiệp đều có tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật pháp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3.- Tổng công ty được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng quỹ đất, được sử dụng nguồn tài nguyên về nước và các nguồn năng lượng thiên nhiên khác để thực hiện nhiệm vụ nói tại Điều 1 trên đây. Tổng công ty có trách nhiệm sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên này đúng mục đích và đúng luật pháp về đất đai, tài nguyên và môi trường.

Điều 4.- Tổng công ty được Nhà nước giao vốn và tài sản, được huy động mọi nguồn vốn trong nước và ngoài nước dưới các hình thức khác nhau theo quy định của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ của mình. Tổng công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn được giao, không ngừng tích lũy vốn để đầu tư phát triển, làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tổng công ty phải thường xuyên cải tiến thiết bị, công nghệ và công tác quản lý để hạ giá thành sản xuất và giảm tổn thất điện năng.

Điều 5.- Tổng công ty được quyền tuyển chọn và sử dụng nguồn nhân lực tương xứng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của người lao động trong sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác, chăm lo đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng công ty, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Điều 6.- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm:

1. Hội đồng Quản lý. Giúp việc Hội đồng Quản lý có Ban Kiểm soát và Văn phòng.

2. Tổng Giám đốc. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Văn phòng và các Ban chức năng.

3. Các đơn vị thành viên Tổng công ty.

Chương II

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 7.- Hội đồng Quản lý là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất trong Tổng công ty. Hội đồng Quản lý được Nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với toàn bộ Tổng công ty theo pháp luật và theo Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ.

Các thành viên Hội đồng Quản lý do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Năng lượng. Trước khi đề nghị, Bộ trưởng Bộ Năng lượng phải có văn bản thỏa thuận của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 8.- Hội đồng Quản lý của Tổng công ty gồm 5 thành viên chuyên trách:

- Chủ tịch,
- Một Phó Chủ tịch,
- Tổng Giám đốc,
- Hai thành viên là chuyên gia về pháp luật, kinh tế, kỹ thuật.

Điều 9.- Hội đồng Quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Cùng với Tổng Giám đốc ký nhận trước Nhà nước nguồn tài nguyên, đất đai, nguồn vốn (kể cả nợ) thuộc sở hữu Nhà nước, bao gồm cả tài sản cố định và nguồn nhân lực để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao cho Tổng công ty;

2. Xem xét, phê duyệt phương án phân giao vốn và nợ, bảo toàn và phát triển vốn, phương án điều hòa, huy động vốn do Tổng Giám đốc đề nghị; chứng kiến việc Tổng Giám đốc phân giao lại các nguồn lực nêu ở Khoản 9.1 cho các đơn vị thành viên sử dụng, bảo toàn và phát triển theo mục tiêu được Hội đồng Quản lý phê duyệt;

3. Giám sát, kiểm tra Tổng Giám đốc và các đơn vị thành viên thực hiện việc sử dụng, bảo toàn và phát triển các nguồn lực Nhà nước giao, thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội

đồng Quản lý, luật pháp và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước;

4. Thông qua đề nghị của Tổng Giám đốc đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch 5 năm của Tổng công ty; quyết định kế hoạch hàng năm của Tổng công ty để Tổng Giám đốc giao cho các đơn vị thành viên;

5. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc nếu được Thủ tướng ủy quyền thì quyết định các dự án liên doanh với nước ngoài theo quy định của Chính phủ; quyết định các dự án liên doanh trong nước, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án nhóm A; trình Bộ trưởng quản lý ngành quyết định các dự án nhóm B; quyết định đầu tư các dự án nhóm C. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp thành viên duyệt các dự án đầu tư nhỏ. Phê duyệt đề án tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của các đơn vị thành viên. Phối hợp với chính quyền, đoàn thể các địa phương trong việc bảo vệ tài sản và an toàn diện quốc gia.

6. Thông qua phương án giá bán điện chỉ đạo của Nhà nước do Tổng Giám đốc đề nghị để trình Thủ tướng Chính phủ duyệt. Ban hành và giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, kể cả đơn giá tiền lương, đơn giá và định mức trong xây dựng chuyên ngành, tiêu chuẩn sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa, giá sản phẩm và dịch vụ áp dụng trong Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc trên cơ sở những quy định chung của ngành và của quốc gia;

7. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và sửa đổi, bổ sung Điều lệ đơn vị thành viên theo đề nghị của Tổng Giám đốc; đề nghị thành lập, tách nhập, giải thể các đơn vị thành viên theo quy định của Chính phủ; quyết định mở Văn phòng đại diện, Chi nhánh của Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

Quyết định tổng biên chế bộ máy quản lý của Tổng công ty và điều chỉnh khi cần thiết theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc; trình Bộ trưởng Bộ Năng lượng bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định

bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc các đơn vị thành viên theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

8. Phê duyệt đề nghị của Tổng Giám đốc về việc thành lập và sử dụng các quỹ tập trung phù hợp với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Tổng công ty theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

9. Thông qua bản báo cáo tài chính tổng hợp (trong đó có phần tổng kết tài sản) hàng năm của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên Tổng công ty và yêu cầu Tổng Giám đốc công bố báo cáo tài chính của toàn Tổng công ty theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10.- Hội đồng Quản lý chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Quản lý không hoàn thành nhiệm vụ được giao, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền gây phương hại lợi ích quốc gia, gây thiệt hại về vốn, tài sản, tài nguyên Nhà nước, tài sản của nhân dân, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Tổng công ty, vi phạm các quy định khác của Nhà nước thì tùy theo mức độ nặng hay nhẹ mà bị xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 11.- Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý:

1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản lý là 5 năm. Các thành viên của Hội đồng Quản lý có thể được bổ nhiệm lại. Nhiệm kỳ của thành viên mới được bổ nhiệm tính từ ngày bổ nhiệm.

2. Hội đồng Quản lý họp thường kỳ theo quy định của Hội đồng Quản lý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đã nêu ở Điều 9 và Điều 10. Khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản lý họp để xem xét kết quả kinh doanh, thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, bản báo cáo tài chính tổng hợp và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

3. Hội đồng Quản lý có thể họp bất thường để giải quyết các công việc đột xuất khi Chủ tịch Hội đồng, hoặc trên một nửa số thành viên, hoặc Tổng Giám đốc yêu cầu.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản lý triệu tập và chủ trì tất cả các phiên họp của Hội đồng, trường hợp vắng mặt bất khả kháng thì ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Cuộc họp chỉ được

tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng tham dự.

5. Khi Hội đồng Quản lý họp để xem xét những vấn đề về chiến lược phát triển, quy hoạch và kế hoạch 5 năm và hàng năm, các dự án đầu tư lớn, các dự án liên doanh với nước ngoài, báo cáo tài chính hàng năm, ban hành hệ thống định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật của Tổng công ty thì phải mời Bộ Năng lượng và các Bộ, ngành liên quan cử đại diện có thẩm quyền đến dự họp. Trường hợp có nội dung quan trọng liên quan đến chính quyền địa phương thì phải mời đại diện Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh dự họp. Các đại diện này có quyền phát biểu nhưng không tham gia biểu quyết; khi phát hiện thấy các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản lý có phương hại đến lợi ích chung thì có quyền kháng nghị bằng văn bản đến Hội đồng Quản lý, đồng thời báo cáo Thủ tướng cơ quan mà mình đại diện để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết thì Thủ tướng các cơ quan này báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Khi Hội đồng Quản lý họp để xem xét những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công nhân viên chức thì phải đề nghị Công đoàn ngành cử đại diện có thẩm quyền đến dự. Đại diện này có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết và có quyền gửi kháng nghị đến Hội đồng Quản lý, đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Công đoàn ngành và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nếu xét thấy nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý xâm phạm đến quyền lợi và nghĩa vụ của công nhân viên chức trong Tổng công ty.

7. Hội đồng Quản lý làm việc theo chế độ tập thể thông qua nghị quyết, quyết định tại các phiên họp bằng biểu quyết trên nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng. Các tài liệu và chương trình của kỳ họp phải được Chủ tịch Hội đồng Quản lý gửi đến các thành viên và các đại diện được mời ít nhất là 5 ngày trước ngày họp. Nội dung và kết luận của các kỳ họp phải được ghi thành biên bản do tất cả các thành viên Hội đồng Quản lý dự họp ký.

8. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản lý có hiệu lực đối với toàn Tổng công ty. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý không trùng hợp với ý kiến của Tổng Giám đốc thì Tổng Giám đốc phải thực hiện, đồng thời có quyền báo lưu và báo cáo bằng văn bản đến Bộ trưởng có liên quan và Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12.- Hội đồng Quản lý có Văn phòng gồm một số chuyên viên và nhân viên giúp việc do Chủ

tịch Hội đồng Quản lý lựa chọn. Biên chế Văn phòng do Hội đồng Quản lý quyết định. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản lý tính vào quản lý phí của Tổng công ty. Tổng Giám đốc sử dụng bộ máy của mình bảo đảm điều kiện, phương tiện cần thiết cho hoạt động của Hội đồng Quản lý.

Điều 13.- Ban Kiểm soát:

1. Hội đồng Quản lý thành lập Ban Kiểm soát để giám sát, kiểm tra hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh trong nội bộ Tổng công ty theo pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Hội đồng Quản lý quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát gồm 5 người do một thành viên Hội đồng Quản lý làm Trưởng ban. Ngoài Trưởng ban, hai thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát là cán bộ trong bộ máy của Tổng công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản lý bổ nhiệm có sự thỏa thuận của Ban Chấp hành Công đoàn ngành, một đại diện của Tổng cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp do Tổng Cục trưởng cử và một đại diện Bộ Năng lượng do Bộ trưởng cử. Hai thành viên đại diện này hoạt động kiêm nhiệm.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm. Trong quá trình hoạt động, thành viên không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên mới bổ nhiệm tính từ ngày bổ nhiệm.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo chương trình, nhiệm vụ do Hội đồng Quản lý giao. Ban Kiểm soát báo cáo Hội đồng Quản lý về kết quả hoạt động giám sát, kiểm tra theo yêu cầu của Hội đồng Quản lý và đề xuất kiến nghị tăng cường, hoàn thiện quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty theo Điều lệ và pháp luật.

4. Ban Kiểm soát được mời dự các cuộc họp giao ban của Tổng Giám đốc và một số cuộc họp của Hội đồng Quản lý.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát do Văn phòng Hội đồng Quản lý bảo đảm và là bộ phận của kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản lý.

Chương III

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 14.-

1. Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân trong mọi hoạt động của Tổng công ty và chịu trách

nhiệm trước pháp luật. Tổng Giám đốc có quyền điều hành cao nhất trong Tổng công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Hội đồng Quản lý về sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao cho Tổng công ty.

2. Các Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

3. Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

4. Chi phí quản lý của bộ máy Tổng công ty (bao gồm cả chi phí hoạt động của Hội đồng Quản lý) được hạch toán vào giá thành trong phân hạch toán tập trung của Tổng công ty.

Điều 15.- Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Cùng với Hội đồng Quản lý ký nhận các nguồn tài nguyên, đất đai, nguồn vốn và nợ thuộc sở hữu Nhà nước, bao gồm cả tài sản cố định, và nguồn nhân lực để quản lý sử dụng theo mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao cho Tổng công ty; phân giao các nguồn lực của Nhà nước cho các đơn vị thành viên sử dụng, bảo toàn và phát triển theo phương án được Hội đồng Quản lý phê duyệt như đã nêu tại Điều 9;

2. Xây dựng và trình Hội đồng Quản lý chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm, phương án bảo vệ và khai thác tài nguyên của Tổng công ty, phương án phối hợp kế hoạch kinh doanh giữa các đơn vị trong Tổng công ty. Ban hành các quyết định điều hành việc tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương án đã được phê duyệt;

3. Xây dựng các dự án đầu tư, các dự án liên doanh với trong nước và nước ngoài, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn của Tổng công ty, các đề án tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý trình Hội đồng Quản lý thông qua theo quy định tại Điều 9 (Khoản 5). Quyết định các dự án đầu tư nhỏ. Tổ chức thực hiện các quyết định đó;

4. Xây dựng để trình Hội đồng Quản lý ban hành hoặc được ủy nhiệm ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương, đơn giá và định mức trong xây dựng chuyên ngành, giá điện bán buôn trong nội bộ và giá dịch vụ trong nội bộ Tổng công ty, phù hợp với những quy định chung của ngành và của Nhà nước. Thực hiện và kiểm tra các đơn vị thành

viên thực hiện các quyết định về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá trong toàn Tổng công ty;

5. Đề nghị Hội đồng Quản lý trình Bộ trưởng Bộ Năng lượng bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty; đề nghị Hội đồng Quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc đơn vị thành viên. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các Phó Giám đốc đơn vị thành viên và các Giám đốc đơn vị trực thuộc đơn vị thành viên theo đề nghị của Giám đốc đơn vị thành viên. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng, Phó các Ban, Văn phòng của bộ máy điều hành Tổng công ty.

Xây dựng đề trình Hội đồng Quản lý duyệt tổng biên chế bộ máy quản lý Tổng công ty và phương án điều chỉnh khi thay đổi tổ chức và biên chế bộ máy quản lý của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; trực tiếp thành lập và điều hành bộ máy quản lý Tổng công ty, kiểm tra biên chế bộ máy quản lý của các đơn vị thành viên; duyệt phương án sắp xếp lại, thành lập mới, giải thể các đơn vị trực thuộc đơn vị thành viên;

6. Kiến nghị Hội đồng Quản lý điều chỉnh vốn và các nguồn lực khi phân giao lại cho các đơn vị thành viên và điều chỉnh khi có sự thay đổi nhiệm vụ của các đơn vị thành viên theo hình thức tăng giảm vốn. Thực hiện và chỉ đạo Công ty Tài chính của Tổng công ty thực hiện việc huy động và cho vay vốn đáp ứng các yêu cầu của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên. Ban hành các quyết định về việc huy động và sử dụng các quỹ tập trung của Tổng công ty;

7. Thành lập các quỹ tập trung của Tổng công ty theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quyết định của Hội đồng Quản lý, bao gồm:

a) Quỹ đầu tư phát triển được lập từ nguồn vốn khấu hao cơ bản và lợi tức tái đầu tư.

Vốn khấu hao cơ bản và lợi tức tái đầu tư của các doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc đều tập trung tại Tổng công ty để đầu tư theo kế hoạch hàng năm.

Nếu Tổng công ty huy động vốn khấu hao cơ bản và lợi tức tái đầu tư của các doanh nghiệp hạch toán độc lập thì phải theo nguyên tắc vay trả, có lãi suất nội bộ do Tổng Giám đốc duyệt theo ủy quyền của Hội đồng Quản lý và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo tập trung để cấp cho các đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty được trích lập từ quỹ phát triển sản xuất

của các đơn vị thành viên và nguồn kinh phí sự nghiệp và đào tạo từ ngân sách Nhà nước (nếu có). Ngoài ra, các đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty còn được thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và đào tạo ký với các doanh nghiệp trong và ngoài Tổng công ty để bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động của mình.

c) Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi ở cơ quan Tổng công ty được trích lập theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Quỹ bảo hiểm y tế được trích lập theo hướng dẫn của liên Bộ Tài chính - Y tế;

8. Nộp các loại thuế phát sinh từ các hoạt động kinh doanh do Tổng công ty hạch toán tập trung theo luật định. Tổng công ty không phải nộp thuế doanh thu cho phần doanh thu bán buôn điện trong nội bộ. Các tài sản điều động trong nội bộ Tổng công ty thì không phải nộp lệ phí/thuế trước bạ;

9. Xây dựng bản báo cáo tài chính tổng hợp (trong đó có phần tổng kết tài sản) hàng năm của Tổng công ty, có phân định rõ phần hạch toán tập trung của Tổng công ty và phần của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập để trình Hội đồng Quản lý thông qua. Bản báo cáo tài chính tổng hợp phải dựa trên cơ sở các tài liệu đã được cơ quan kiểm toán hợp pháp xác nhận;

10. Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng Quản lý và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

Chương IV

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY

Điều 16. - Tổng công ty Điện lực Việt Nam có các đơn vị thành viên là những doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập (trong đó có Công ty Tài chính), những doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc và những đơn vị sự nghiệp (có danh sách ghi trong Phụ lục kèm theo Điều lệ này).

Mọi đơn vị thành viên của Tổng công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ riêng phù hợp với quy định của pháp luật, với Điều lệ này, và được Hội đồng Quản lý phê duyệt.

Các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân, có con dấu, có trụ sở, được mở các tài khoản tại Ngân hàng phù hợp với phương thức hạch toán được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Điều lệ riêng của mỗi đơn vị thành viên.

Điều 17. - Các doanh nghiệp hạch toán độc lập trong Tổng công ty vừa có sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty, vừa có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính với tư cách là một pháp nhân kinh tế độc lập, cụ thể là:

1. Trong chiến lược và đầu tư phát triển:

a) Doanh nghiệp được giao hoặc được ủy quyền tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển theo kế hoạch của Tổng công ty. Doanh nghiệp được Tổng công ty giao các nguồn lực để thực hiện dự án.

b) Doanh nghiệp tự đầu tư những công trình, dự án phát triển không nằm trong các dự án do Tổng công ty trực tiếp điều hành, nhưng do doanh nghiệp tự huy động, tự chịu trách nhiệm về tài chính.

2. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của mình trên cơ sở:

a) Bảo đảm các chỉ tiêu, mục tiêu, các cân đối lớn, các định mức kinh tế - kỹ thuật chủ yếu (kể cả đơn giá và giá) của doanh nghiệp phù hợp với kế hoạch chung của Tổng công ty.

b) Kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở sử dụng tối ưu mọi nguồn lực mà doanh nghiệp có và tự huy động phù hợp với nhu cầu của thị trường.

3. Trong hoạt động tài chính và hạch toán kinh tế:

a) Doanh nghiệp được nhận một phần vốn và nguồn lực của Nhà nước giao cho Tổng công ty do Tổng công ty phân giao lại cho doanh nghiệp, kể cả các quyết định bổ sung về tăng hoặc giảm (nếu có). Doanh nghiệp có nhiệm vụ thực hiện việc bảo toàn vốn và phát triển các nguồn lực này.

b) Doanh nghiệp được quyền huy động vốn, các nguồn tín dụng khác theo pháp luật để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của mình.

c) Doanh nghiệp được hình thành quỹ đầu tư xây dựng cơ bản, quỹ phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Nhà nước. Doanh nghiệp có nghĩa vụ trích nộp đóng góp và được thụ

hưởng các quỹ tập trung của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ này và theo các quyết định của Hội đồng Quản lý Tổng công ty.

d) Với tư cách là một pháp nhân kinh tế độc lập, doanh nghiệp chịu trách nhiệm đóng các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho Nhà nước theo luật định.

đ) Doanh nghiệp có thể được Tổng công ty ủy quyền thay mặt Tổng công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước nhân danh Tổng công ty.

4. Trọng lĩnh vực tổ chức, cán bộ và lao động:

a) Doanh nghiệp có quyền đề nghị Tổng công ty xem xét, quyết định hoặc được Tổng công ty ủy quyền quyết định việc tổ chức, giải thể, sáp nhập các đơn vị thành viên của mình và bộ máy quản lý doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Điều lệ riêng của doanh nghiệp.

b) Tùy theo yêu cầu trong hoạt động, doanh nghiệp thành viên Tổng công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc. Những đơn vị trực thuộc này hạch toán phụ thuộc, có con dấu theo mẫu dấu doanh nghiệp Nhà nước, được mở tài khoản tại Ngân hàng và ký hợp đồng kinh tế theo phân cấp và ủy quyền của doanh nghiệp thành viên Tổng công ty.

c) Trong khuôn khổ tổng biên chế được Tổng công ty cho phép, doanh nghiệp được quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng hoặc cho thôi việc các viên chức công tác trong bộ máy quản lý của mình. Việc bổ nhiệm hay miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý trong bộ máy và các đơn vị thành viên tuân thủ sự phân cấp được nêu tại các Điều 9 (Khoản 7) và Điều 15 (Khoản 5) của Điều lệ này.

d) Doanh nghiệp được quyền và có trách nhiệm chăm lo phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp; chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống của người lao động theo Bộ Luật Lao động và Luật Công đoàn.

Điều 18. - Các doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Tổng công ty được chủ động trong sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự với nhiệm vụ và quyền hạn như đã quy định đối với doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập nêu ở Điều 17 (trừ các Khoản 1b, 2b, 3b, 3d và 4b).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Thẩm quyền thực hiện các khoản liệt kê trên đây chỉ có giá trị khi có sự phân cấp và ủy quyền bằng văn bản của Tổng công ty.

Điều 19. - Các đơn vị sự nghiệp có Quy chế Tổ chức và hoạt động do Tổng Giám đốc phê duyệt theo ủy quyền của Hội đồng Quản lý, thực hiện hạch toán nội bộ lấy thu bù chi, có thể được hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước, được tạo nguồn thu từ thực hiện dịch vụ hợp đồng nghiên cứu khoa học và đào tạo cho các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty, được thụ hưởng phân phối quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo mức bình quân như đối với những người làm việc trong bộ máy của Tổng công ty.

Điều 20. - Công ty Tài chính là thành viên của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, hoạt động theo pháp luật và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, theo Điều lệ được Hội đồng Quản lý phê chuẩn và theo sự điều hành của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Công ty Tài chính thực hiện nhiệm vụ huy động vốn và cho vay vốn đáp ứng nhu cầu vốn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua các hình thức vay tín dụng ưu đãi của Chính phủ, tín dụng thương mại của các ngân hàng và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu công trình; mua bán giấy tờ, chứng từ có giá; huy động vốn nhàn rỗi của công nhân viên chức trong nội bộ Tổng công ty.

Công ty Tài chính thực hiện các dự án đầu tư của Tổng công ty, thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của Điều lệ và Quy chế Công ty Tài chính. Đối với các dự án lớn thì chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng. Công ty Tài chính làm chức năng dịch vụ.

Các đơn vị sử dụng vốn của Công ty Tài chính theo nguyên tắc có vay có trả, thực hiện chế độ lãi suất nội bộ do Công ty Tài chính đề nghị, Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt theo ủy quyền của Hội đồng Quản lý.

Điều 21. - Các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty do Giám đốc doanh nghiệp điều hành. Giám đốc là đại diện pháp nhân của doanh nghiệp trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và trước Nhà nước về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Hội đồng Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận giữa Giám đốc doanh nghiệp với Ban Chấp hành Công đoàn doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng doanh nghiệp.

Hội đồng Doanh nghiệp phát huy quyền làm chủ của công nhân viên chức, tham gia với Giám đốc doanh nghiệp các biện pháp để thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển,... của doanh nghiệp; xem xét, quyết định việc sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo đề nghị của Giám đốc doanh nghiệp; chỉ đạo Ban Thanh tra công nhân giám sát, kiểm tra doanh nghiệp thi hành Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức, Điều lệ Doanh nghiệp và các chính sách pháp luật của Nhà nước trong doanh nghiệp.

Chương V

CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 22. - Các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 23. - Việc tổ chức lại và giải thể Tổng công ty Điện lực Việt Nam do Hội đồng Quản lý Tổng công ty đề nghị, Bộ trưởng Bộ Năng lượng xem xét và trình Chính phủ quyết định.

Điều 24. - Tổng công ty Điện lực Việt Nam bị giải thể trong trường hợp Chính phủ thấy không cần thiết duy trì Tổng công ty này.

Điều 25. - Việc sắp xếp tổ chức lại, sáp nhập, giải thể và thành lập mới các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực Việt Nam do Hội đồng Quản lý Tổng công ty đề nghị, Bộ trưởng Bộ Năng lượng trình Thủ tướng Chính phủ duyệt và ủy nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Năng lượng ký quyết định.

Điều 26. - Tổng công ty Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên Tổng công ty làm vào tình trạng phá sản thì xử lý theo trình tự quy định tại Luật Phá sản doanh nghiệp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. - Điều lệ này được áp dụng cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam. Tất cả các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực Việt Nam phải tuân thủ Điều lệ này.

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Nghị định ban hành.

Điều 28. - Trong trường hợp các văn bản của Chính phủ, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quyết định thành lập các doanh nghiệp thành viên có quy định khác với Điều lệ này thì được nêu theo Điều lệ này.

Điều 29. - Các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực Việt Nam căn cứ vào Điều lệ của Tổng công ty để xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của mình trình Hội đồng Quản lý phê duyệt. Điều lệ của đơn vị thành viên không được trái với Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. - Trong quá trình thực hiện, Tổng công ty Điện lực Việt Nam cần tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động để kiến nghị Chính phủ phê duyệt những Điều cần thiết phải sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

PHỤ LỤC

(kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Việt Nam)

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
tại thời điểm thành lập Tổng công ty

**I. CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠCH
TOÁN ĐỘC LẬP:**

1. Công ty Điện lực 1

2. Công ty Điện lực 2
3. Công ty Điện lực 3
4. Công ty Điện lực thành phố Hà Nội
5. Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh
6. Công ty Xây lắp điện 1
7. Công ty Xây lắp điện 2
8. Công ty Xây lắp điện 3
9. Công ty Xây lắp điện 4
10. Công ty Sản xuất thiết bị điện
11. Công ty Khảo sát thiết kế điện 1
12. Công ty Khảo sát thiết kế điện 2
13. Công ty Thông tin - viễn thông điện lực
14. Công ty Tài chính điện lực.

**II. CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠCH
TOÁN PHỤ THUỘC:**

1. Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
2. Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
3. Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình
4. Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức
5. Nhà máy Nhiệt điện Trà Nóc
6. Nhà máy Điện Bà Rịa
7. Nhà máy Thủy điện Hòa Bình
8. Nhà máy Thủy điện Thác Bà
9. Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn
10. Nhà máy Thủy điện Trị An
11. Nhà máy Thủy điện Thác Mơ
12. Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
13. Công ty Truyền tải điện 1
14. Công ty Truyền tải điện 2
15. Công ty Truyền tải điện 3
16. Công ty Truyền tải điện 4
17. Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia.

III. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP:

1. Viện Năng lượng
2. Trung tâm Thông tin điện lực
3. Trung tâm Nghiên cứu khoa học - công nghệ - môi trường và máy tính.